

Số: 85/BC-SKHĐT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

**Sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm
và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 06 tháng cuối năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan/đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh một số nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẾN NGÀY 15/6/2021, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2021

1. Tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 là 5.198.939 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành triển khai giao chi tiết vốn đầu tư công cho các Sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến nay đã giao chi tiết 4.663.913/5.198.939 triệu đồng, đạt 89,71% so Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó: vốn ngân sách địa phương đã giao chi tiết 3.962.390/3.978.390 triệu đồng, đạt 99,6%; vốn ngân sách Trung ương đã giao chi tiết 701.523/1.220.549 triệu đồng, đạt 57,48%; còn lại 535.026 triệu đồng¹ chưa giao chi tiết, chiếm 10,29% kế hoạch vốn năm 2021 (chi tiết Phụ lục I kèm theo). Trong đó, 390.000 triệu đồng ghi cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chiếm 7,5% kế hoạch, hiện nay chưa đủ cơ sở phân khai danh mục. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục đôn đốc các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để giao hết vốn đúng theo quy định.

Đến ngày 15/6/2021, ước thực hiện giá trị khối lượng hoàn thành là 928.766/4.663.913 triệu đồng, đạt 19,91% kế hoạch; giá trị giải ngân là 793.747/4.663.913 triệu đồng, đạt 17,02% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ năm 2020 là 3,85%, gồm 05 đơn vị cấp tỉnh và 05 đơn vị cấp huyện có kết quả giải ngân đạt trên 30% kế hoạch (chi tiết Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo).

Có 16 dự án trọng điểm được giao kế hoạch vốn là 2.191.730/5.198.939 triệu đồng chiếm 42,16% kế hoạch vốn. Tình hình giải ngân đến ngày 15/6/2021

¹ Vốn ngân sách địa phương còn lại 16.000 triệu đồng chưa giao chi tiết, chiếm 0,4% kế hoạch; vốn ngân sách Trung ương còn lại 519.026 triệu đồng chưa giao chi tiết, chiếm 42,52% kế hoạch. Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao thêm 159.026 triệu đồng tại kỳ họp gần nhất, nâng tỷ lệ giao vốn đạt 92,77% kế hoạch.

là 399.779/2.191.730 triệu đồng, đạt 18,24% kế hoạch (*chi tiết Phụ lục IV kèm theo*).

Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng đến ngày 15/6/2021 thực hiện được 190/447 gói thầu, đạt 42,51%; ước đến ngày 30/6/2021 thực hiện được 210/447 gói thầu, đạt 46,98%.

Như vậy, với kết quả như trên ước giá trị giải ngân đến ngày 30/6/2021 là 1.546.375 triệu đồng, đạt 33,16% kế hoạch, không đạt theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang (*dự kiến hết quý II năm 2021 giải ngân trên 50% kế hoạch vốn bố trí*).

Kế hoạch vốn chuyển nguồn và kéo dài tiếp tục thực hiện sang năm 2021 là 203.856 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2021 là 32.280 triệu đồng đạt 15,83% kế hoạch (*chi tiết Phụ lục V, Phụ lục VI kèm theo*).

2. Tình hình thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND, Công văn số 612/UBND-KT của UBND tỉnh

2.1. Việc tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

Theo chỉ đạo, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, phải nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh (*kết quả giải ngân tính trên số kế hoạch vốn giao từ đầu năm 2020*) và báo cáo kết quả kiểm điểm về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ và UBND tỉnh trước ngày 15/4/2021. Theo kết quả giải ngân kế hoạch vốn (so với kế hoạch vốn giao đầu năm) có 17 Sở, ban ngành cấp tỉnh và 05 huyện, thành phố chưa đạt yêu cầu tỷ lệ giải ngân theo yêu cầu (trên 95% kế hoạch). Đến nay, có 02/22 đơn vị gửi báo cáo kiểm điểm về Sở Kế hoạch và Đầu tư².

2.2. Việc thực hiện giải ngân theo kế hoạch đề ra

Đến ngày 15/6/2021, có 240 công trình do 14 Sở, ban, ngành cấp tỉnh và 15 huyện, thành phố quản lý đến nay có tỷ lệ giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn. Một số chủ đầu tư chưa triển khai và hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu đối với các công trình triển khai mới năm 2021, gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Y tế; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; và các huyện, thành phố đối với các công trình giao thông nông thôn.

3. Nhận xét, đánh giá

3.1. Thuận lợi

² Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT gửi báo cáo giải trình kết quả giải ngân; UBND huyện Giồng Riềng tổ chức kiểm điểm trong đó có nêu rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Ngay từ đầu năm tỉnh đã khẩn trương phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 cho từng dự án theo quy định tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2021 theo đúng quy định pháp luật. Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 để chỉ ra những tồn tại, hạn chế và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Công văn số 612/UBND-KT để đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài; thành lập 04 Tổ công tác và thường xuyên tổ chức các buổi làm việc, giao ban để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Một số tồn tại, hạn chế cố hữu tuy nhiên nhiều năm qua vẫn chưa được khắc phục như: Công tác chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết cho từng dự án,...

Khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đã được tập trung tháo gỡ nhưng tiến độ còn chậm, một số dự án phải họp xử lý nhiều lần, dây dưa kéo dài.

Công tác xây dựng kế hoạch vốn chất lượng đã được nâng lên, bám sát thực tế và khả năng triển khai của từng dự án nhưng vẫn còn hạn chế, các địa phương chưa tuân thủ quy định theo từng nguồn vốn, chưa đủ hồ sơ thủ tục, kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất, chuẩn bị danh mục và phân khai chi tiết các công trình giao thông nông thôn còn chậm.

Công tác đấu thầu từng bước đã khắc phục những hạn chế, đấu thầu qua mạng đã được tuân thủ theo kế hoạch của Chính phủ nhưng việc triển khai thực hiện ở nhiều gói thầu chưa tuân thủ theo quy định. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu phải điều chỉnh nhiều lần, hồ sơ mời thầu chưa công bằng, phù hợp với tính chất từng gói thầu, vẫn còn một số nhà thầu không đủ năng lực để thực hiện, tiến độ không đúng hợp đồng đã ký nhưng vẫn được chủ đầu tư, BQL dự án tiếp tục ký kết hợp đồng các gói thầu khác, không thực hiện xử phạt, xử lý cắt hợp đồng.

Tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp còn chậm, nhiều công trình chuyển tiếp đã có khối lượng hoàn thành nhưng chậm nghiệm thu hoặc lập hồ sơ thanh, quyết toán. Công tác quyết toán công trình hoàn thành chưa thực hiện đúng thời gian, thường vượt thời gian quy định³.

4. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

³ Theo Báo cáo số 82/BC-STC ngày 26/4/2021 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang, trong quý I năm 2021 có 136 dự án hoàn thành vi phạm thời gian lập báo cáo và thẩm tra, phê duyệt quyết toán (gồm: cấp tỉnh quản lý là 20 dự án, cấp huyện quản lý là 116 dự án).

4.1. Về khách quan

Các văn bản Luật như: Đầu tư công, Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn mới được ban hành nên còn lúng túng trong quá trình thực hiện.

Những tháng đầu năm giá vật liệu xây dựng tăng mạnh, đặc biệt giá thép xây dựng tăng từ 30% đến 40%, dẫn đến việc các nhà thầu thi công xây dựng chậm triển khai thực hiện các gói thầu đã có kết quả trúng thầu, hoặc việc phê duyệt giá gói thầu tăng tổng mức đầu tư dự án ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

Bên cạnh đó, việc ưu tiên thời gian và nhân lực để tập trung chỉ đạo bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và tập trung phòng, chống dịch Covid-19 cũng dẫn đến việc theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án chưa được quan tâm đúng mức.

4.2. Về chủ quan

Một số đơn vị/chủ đầu tư chưa quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, không thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện; thiếu chủ động giải quyết các vấn đề vướng mắc trong thẩm quyền; chưa phối hợp tốt để xử lý những khó khăn, vướng mắc; chưa xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để theo dõi, đôn đốc, quản lý; việc triển khai quán triệt các văn bản mới còn chậm. Dẫn đến các dự án khởi công mới chậm triển khai các thủ tục đấu thầu nên chưa tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc đã tạm ứng hợp đồng nhưng nhà thầu chậm triển khai thi công nên chưa có khối lượng thanh toán; các dự án chuyển tiếp chưa được quan tâm đẩy nhanh tiến độ, hồ sơ thủ tục phải điều chỉnh nhiều lần (*kế hoạch vốn năm 2021 bố trí thực hiện cho: 317 dự án khởi công mới là 2.497.983/4.663.913 triệu đồng, chiếm 53,56%; giá trị giải ngân đến ngày 15/6/2021 đạt 372.977/2.497.983 triệu đồng, đạt 14,93% kế hoạch; 112 dự án trả nợ, chuyển tiếp là 2.165.930/4.663.913 triệu đồng, chiếm 46,44%; giá trị giải ngân đến ngày 15/6/2021 đạt 401.662/2.165.930 triệu đồng, đạt 18,54% kế hoạch - chi tiết Phụ lục VII kèm theo*).

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chưa được quan tâm đúng mức, chưa tuân thủ triệt để các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; thiếu sự phối hợp quyết liệt giữa chủ đầu tư và UBND cấp huyện⁴.

⁴ Gồm các dự án: cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT; nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng; đường tỉnh ĐT.964, hạng mục: xd cầu; cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên); cảng hành khách Rạch Giá; nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc; đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất; đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên; đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng); đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng).

Tâm lý chủ quan của một số chủ đầu tư đơn vị chỉ tập trung đẩy nhanh tiến độ và giải ngân vốn vào những tháng cuối năm (còn tình trạng dự án không thanh toán khối lượng do quy định thu hồi hết tiền tạm ứng trước khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80%). Công tác giám sát, đánh giá đầu tư thiếu thường xuyên và chưa được các chủ đầu tư chú trọng, từ đó những bất cập, thiếu sót trong thực hiện đầu tư công chưa được phát hiện, chấn chỉnh và khắc phục kịp thời, làm ảnh hưởng tiến độ thực hiện. Chấp hành chưa nghiêm các chỉ đạo và giải pháp thực hiện của UBND tỉnh, chưa tuân thủ quy trình thủ tục và thời gian theo các văn bản hướng dẫn trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công.

Một số chủ đầu tư chưa bám sát quy trình, chưa chủ động hoặc phối hợp chưa tốt với các cơ quan chuyên môn trong việc đề xuất trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư để triển khai thực hiện; chậm trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán làm chậm tiến độ chung⁵.

Một số công trình phải thi công trên mặt bằng có địa hình, địa chất phức tạp, hoặc thiết kế đặc thù phải xử lý kỹ thuật nhiều lần làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kéo dài⁶. Tuy nhiên, chủ đầu tư chưa phối hợp với các đơn vị có liên quan xử lý dứt điểm để đẩy nhanh tiến độ.

Một số đơn vị thi công thiếu kinh nghiệm, năng lực thiết bị, tài chính và nhân lực không đúng với hồ sơ trúng thầu; tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát kinh nghiệm, năng lực còn hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm nên quá trình thi công phải xử lý phát sinh, làm chậm tiến độ thực hiện.

II. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, để thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ chung

⁵ Gồm các dự án: Trung tâm y tế huyện Giang Thành, Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng; trụ sở mới Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc, kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên, kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh, kè chống sạt lở khu vực Hòn Quéo, huyện Hòn Đất; đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương, nâng cấp đường Thờ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng, đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); hệ thống giao thông nội bộ Khu công nghiệp Thạnh Lộc, giai đoạn 1 quy mô 150ha; cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020; nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo); đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường; cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965; dự án VnSat;...

⁶ Gồm các dự án: Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải; Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường; Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh; nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm; Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông;...

1.1. Các Sở, ban ngành, BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư phải xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2021 của cơ quan, đơn vị mình nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

1.2. Giao nhiệm vụ cho Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành, các BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương; Công văn số 1163-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 02/CT-UBND, Công văn số 612/UBND-KT, Thông báo số 294/TB-VP của UBND tỉnh. Yêu cầu người đứng đầu các Sở, ban ngành, các BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư phải xem giải ngân vốn đầu tư công là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực kinh tế khác và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị mình. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, trường hợp vượt thẩm quyền phải chủ động báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền hướng giải quyết. Tăng cường kỷ luật, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để phân công cán bộ trực tiếp theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ. Tổ chức giao ban 02 lần/tháng để kiểm tra, đẩy nhanh tiến độ, giải quyết các vấn đề tồn đọng, vướng mắc của kế hoạch đầu tư công năm 2021 *(kể cả các dự án được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2021 thực hiện)*.

Khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư để cấp có thẩm quyền phân bổ hết kế hoạch đầu tư công năm 2021. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc không để xảy ra tình trạng chậm giao kế hoạch vốn, tồn đọng vốn, tồn đọng hồ sơ giải quyết các thủ tục dự án đầu tư; đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán, không để dồn vào cuối năm. Chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời có phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư; tăng cường phân cấp, ủy quyền, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

Tăng cường xử lý, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng. Nhất là công tác phối hợp giữa chủ đầu tư dự án và các địa phương nơi có dự án triển khai với Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành, các BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo hướng dẫn, tổ chức triển khai nghiêm túc nội dung các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên. Chịu trách

nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh khi đề xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 của cơ quan mình.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Đối với các đơn vị chưa giải ngân

Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Trong tháng 6/2021 phải giải ngân được kế hoạch vốn được bố trí. Trường hợp không thực hiện được phải chủ động báo cáo các Đoàn công tác tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ vướng mắc, hoặc điều chuyển vốn cho các dự án khác có nhu cầu.

2.2. Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp

Đôn đốc các đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ, sớm hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng triển khai thi công trong quý II/2021. Đối với các dự án chuyển tiếp đề nghị tích cực đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm lập các thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định để giải ngân theo kế hoạch tại Chỉ thị 02/CT-UBND của UBND tỉnh đề ra.

2.3. Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân tốt

Tiếp tục theo dõi sát tiến độ dự án để có đề xuất rút ngắn thời gian thi công, sớm đưa công trình nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có quy mô lớn, giúp phát huy tối đa công suất thiết kế, hiệu quả đầu tư. Trường hợp các dự án thiếu vốn thì đề xuất các Đoàn công tác, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xem xét, bổ sung vốn từ các dự án triển khai chậm.

2.4. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị

(1) Sở Giao thông vận tải

Tăng cường công tác phối hợp⁷, ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng, đặc biệt đối với một số địa phương như: Phú Quốc, Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Hòn Đất, Kiên Lương,... Trường hợp vượt thẩm quyền chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền hướng xử lý. Sớm hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương.

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các địa phương có dự án vướng giải phóng mặt bằng giải quyết các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền (nếu có) để sớm phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết có thể tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác bồi hoàn giải phóng

⁷ Tổ chức thực hiện theo Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu rút ngắn thời gian thực hiện các quy trình thủ tục, hướng dẫn kiểm soát quy trình, thủ tục nhằm hạn chế sai sót dẫn đến khiếu nại của người dân. Đẩy nhanh tiến độ Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh do Sở quản lý.

(3) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ động đơn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án: nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên; chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9; đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang; hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu;...

Sớm hoàn thành thủ tục điều chỉnh dự án và triển khai hoàn thành các dự án: kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên; kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh; kè chống sạt lở khu vực Hòn Quéo, huyện Hòn Đất. Sớm hoàn thành công tác đấu thầu xây lắp dự án VnSat.

(4) Sở Y tế

Chủ động phối hợp trình thông qua Hội đồng thẩm định tỉnh rà soát lại quy mô, khả năng cân đối vốn trước khi đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm y tế huyện Giang Thành và Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng theo Thông báo số 364/TB-VP ngày 01/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang. Đơn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ dự án Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường; hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành dự án đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang đúng theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các đơn vị có liên quan sớm hoàn thành hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang 1020 giường.

(5) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Rà soát thủ tục đầu tư các dự án dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại Công văn số 2665/BKHĐT-KTĐPLT ngày 10/5/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 29/4/2021, Báo cáo số 168/BC-UBND ngày 02/6/2021, Thông báo số 364/TB-VP ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang.

Tổ chức kiểm tra đơn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công; kiểm tra việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021. Trong đó, kết hợp hướng dẫn các UBND cấp huyện rà soát, xây dựng lại danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định. Đồng thời hướng dẫn các UBND cấp huyện xây dựng lại kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với danh mục phân bổ vốn trung hạn.

Trên cơ sở thực tế tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 của các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn. Chủ động đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, từ các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư (*chưa có quyết định đầu tư*) sang các dự án đã đủ thủ tục hồ sơ, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư và đúng theo quy định.

(6) *Sở quản lý xây dựng chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương*

Nghiên cứu rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở, dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ động làm việc với các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn để tháo gỡ vướng mắc để sớm triển khai dự án. Đối với những đơn vị tư vấn không đủ năng lực, các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành đề xuất chủ đầu tư cắt hợp đồng để giao lại cho các đơn vị khác đủ năng lực theo quy định. Chủ động rà soát, tham mưu UBND tỉnh cho ý kiến đối với những vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản mới ban hành thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản. Tổ chức các lớp tập huấn để phổ biến, hướng dẫn các đơn vị việc thực hiện các văn bản quy định mới ban hành.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tăng cường công tác tập huấn, cập nhật các quy định mới cho các Ban Quản lý dự án, chủ đầu tư; kịp thời cập nhật biến động giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là giá thép xây dựng.

(7) *Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố*

UBND thành phố Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất.

UBND huyện U Minh Thượng phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải sớm hoàn thành phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường ven sông Cái Lớn.

Đối với các địa phương (còn lại) có dự án vướng giải phóng mặt bằng, tích cực hỗ trợ chủ đầu tư dự án trong việc phê duyệt phương án bồi hoàn giải phóng mặt bằng; vận động người dân trên địa bàn thực hiện di dời đối với các khu vực có dự án đi qua, hạn chế tối đa việc khiếu kiện, khiếu nại kéo dài.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án do cấp mình quản lý. Đặc biệt quán triệt đến cán bộ, công chức Ban Quản lý dự án và cơ quan/đơn vị có liên quan cập nhật kịp thời các văn bản quy định, các chỉ đạo của cấp trên để hoàn thành tốt kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Đối với các danh mục dự án bố trí nguồn vốn chưa phù hợp thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (đã làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 6/2021). Đề nghị các huyện điều chỉnh nguồn vốn cho phù hợp.

Trên đây là báo cáo sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 06 tháng cuối năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang của Sở Kế hoạch và Đầu tư./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng THQHKH;
- Lưu: VT, txanh.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất

**DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh)
3. Sở Tài chính
4. Sở Xây dựng
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Sở Công Thương
8. Sở Y tế
9. Sở Giáo dục và Đào tạo
10. Sở Văn hóa và Thể thao
11. Sở Tài nguyên và Môi trường
12. Sở Du lịch
13. Sở Nội vụ
14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15. Công an tỉnh
16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
17. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
18. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
19. Đài Phát thanh và Truyền hình
20. Văn phòng Tỉnh ủy
21. Văn phòng UBND tỉnh
22. Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
23. Vườn Quốc gia U Minh Thượng
24. Trường Cao đẳng Nghề
25. Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)
26. Các huyện, thành phố - 15 đơn vị



PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 85 /BC-SKHĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

ĐƠN VỊ TÍNH: TRIỆU ĐỒNG

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư						Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó: ngân sách Trung ương	Trong đó: ODA					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG								535.026	16.000	514.026	5.000	
A	CẤP TỈNH								216.000	16.000	200.000	-	
I	Sở Tài nguyên Môi trường								8.000	8.000	-	-	
1	XD trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp.	Các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên	2021-2023	2642/QĐ-UBND, 16/11/2020 của UBND tỉnh	25.000	25.000			8.000	8.000			Chưa có QĐ phê duyệt dự án đầu tư, dự kiến điều chỉnh giảm vốn
II	Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh								4.000	4.000	-	-	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	Phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	9.100	9.100			4.000	4.000			Chưa có QĐ phê duyệt dự án đầu tư, dự kiến điều chỉnh giảm vốn
III	Công an tỉnh								4.000	4.000	-	-	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và CHCN khu vực U Minh Thượng (giai đoạn II) thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2021-2022	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.500	12.500			4.000	4.000			Chưa có QĐ phê duyệt dự án đầu tư
IV	Sở Giao thông vận tải								200.000	-	200.000	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	2021-2024	495/NQ-HĐND, 11/11/2020 của HĐND tỉnh;	1.479.922		1.479.922		200.000		200.000		Chưa có QĐ phê duyệt dự án đầu tư

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư						Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					NS tỉnh	NSTW	ODA	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó: ngân sách Trung ương	Trong đó: ODA					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B	CẤP HUYỆN								319.026	-	314.026	5.000	
I	Thành phố Phú Quốc								5.000	-	-	5.000	
1	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	thành phố Phú Quốc			4.358.000		1.739.000	2.619.000	5.000			5.000	Chuẩn bị đầu tư, dự kiến điều chỉnh giảm vốn
II	Huyện Châu Thành								53.000	-	53.000	-	
1	Đường Minh Lương - Giục Tượng	huyện Châu Thành	2021-2023	16/NQ-HĐND, 20/11/2020 của HĐND huyện Châu Thành;	168.798		168.798		53.000		53.000		Dự kiến trình HĐND tỉnh kỳ họp gần nhất
III	Huyện Giồng Riềng								20.026	-	20.026	-	
1	Cầu tuyến tránh Giồng Giềng	huyện Giồng Riềng	2020-2022	11/NQ-HĐND, 27/5/2020 của HĐND huyện Giồng Riềng;	50.000		50.000		20.026		20.026		Dự kiến trình HĐND tỉnh kỳ họp gần nhất
IV	Huyện An Minh								42.000	-	42.000	-	
1	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo)	huyện An Minh	2021-2025	137/NQ-HĐND, 26/11/2020 của HĐND huyện An Minh;	200.000		200.000		42.000		42.000		Dự kiến điều chỉnh giảm vốn
V	Huyện An Biên								80.000	-	80.000	-	
1	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	huyện An Biên	2021-2024	33/NQ-HĐND, 28/7/2020 của HĐND huyện An Biên;	250.000		250.000		80.000		80.000		Dự kiến điều chỉnh giảm vốn
VI	Chương trình BD-HĐ								119.000		119.000		



PHỤ LỤC II

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 15/6/2021, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2021 - THEO NGUỒN VỐN**

(Kèm theo Báo cáo số 85 /BC-SKHDT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021				Ước THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2021			
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9	10	11 = 9/4	12 = 10/4
	TỔNG SỐ	5.198.939	4.663.913	928.766	793.747	19,91%	17,02%	1.825.416	1.546.375	39,14%	33,16%
I	Vốn ngân sách địa phương, trong đó:	3.978.390	3.962.390	744.444	631.550	18,79%	15,94%	1.522.692	1.282.660	38,43%	32,37%
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	1.003.590	135.788	105.669	13,53%	10,53%	275.514	233.851	27,45%	23,30%
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	279.136	247.623	21,47%	19,05%	593.681	480.112	45,67%	36,93%
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.610.000	1.610.000	308.267	257.005	19,15%	15,96%	632.244	547.444	39,27%	34,00%
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	21.253	21.253	43,55%	43,55%	21.253	21.253	43,55%	43,55%
II	Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:	1.220.549	701.523	184.322	162.197	26,27%	23,12%	302.724	263.715	43,15%	37,59%
1	Vốn trong nước	1.005.260	491.234	133.628	111.503	27,20%	22,70%	229.737	193.987	46,77%	39,49%
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:	1.005.260	491.234	133.628	111.503	27,20%	22,70%	229.737	193.987	46,77%	39,49%
	- 'Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	200.000									
2	Vốn nước ngoài	215.289	210.289	50.694	50.694	24,11%	24,11%	72.987	69.728	34,71%	33,16%

PHỤ LỤC III
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 15/6/2021, ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2021 - THEO SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 85 /BC-SKHDT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HDND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021				Ước THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2021				Số dự án giải ngân dưới 30% đến thời điểm báo cáo
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9	10	11 = 9/4	12 = 10/4	13
	TỔNG CỘNG	5.198.939	4.663.913	928.766	793.747	19,91%	17,02%	1.825.416	1.546.375	39,14%	33,16%	240
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	2.207.023	1.968.723	435.872	352.229	22,14%	17,89%	863.506	720.140	43,86%	36,58%	42
1	Công an tỉnh	10.000	6.000	6.000	6.000	100%	100%	19.400	6.000	323,33%	100%	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	10.000	9.563	9.563	95,63%	95,63%	9.600	9.600	96,00%	96,00%	
3	Sở Nội vụ	2.000	2.000	1.650	1.637	82,50%	81,85%	1.650	1.650	82,50%	82,50%	
4	Văn phòng UBND tỉnh	2.900	2.900	1.220	1.212	42,07%	41,79%	1.628	1.465	56,14%	50,52%	1
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	543.230	549.730	214.345	172.465	38,99%	31,37%	328.382	295.332	59,74%	53,72%	7
6	Sở Giao thông vận tải	1.036.000	836.000	157.300	139.614	18,82%	16,70%	321.200	286.900	38,42%	34,32%	7
7	BCH Quân sự tỉnh	5.500	5.500	958	911	17,42%	16,56%	958	911	17,42%	16,56%	1
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30.000	30.000	4.520	4.518	15,07%	15,06%	21.000	15.000	70,00%	50,00%	1
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-	1.200	145	145	12,08%	12,08%	145	145	12,08%	12,08%	1
10	Sở Du lịch	50.000	50.000	5.070	4.985	10,14%	9,97%	15.323	5.011	30,65%	10,02%	3
11	Sở Văn hóa và Thể thao	53.234	53.234	3.588	3.237	6,74%	6,08%	17.518	6.212	32,91%	11,67%	3
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.000	13.000	675	629	5,19%	4,84%	4.901	3.870	37,70%	29,77%	2
13	Văn phòng Tỉnh ủy	37.500	37.500	17.711	1.438	47,23%	3,83%	19.100	18.480	50,93%	49,28%	3



TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021				Ước THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2021				Số dự án giải ngân dưới 30% đến thời điểm báo cáo
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9	10	11 = 9/4	12 = 10/4	13
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	153.459	115.459	2.000	1.922	1,73%	1,66%	19.271	16.569	16,69%	14,35%	3
15	Sở Y tế	210.000	210.000	10.645	3.476	5,07%	1,66%	81.019	50.584	38,58%	24,09%	4
16	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	38.200	34.200	400	395	1,17%	1,15%	2.000	2.000	5,85%	5,85%	5
17	Đài Phát thanh và Truyền hình	12.000	12.000	82	82	0,68%	0,68%	411	411	3,43%	3,43%	1
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	2.103.193	2.129.167	492.894	441.518	23,15%	20,74%	867.129	731.454	40,73%	34,35%	196
1	Huyện Châu Thành	101.330	64.405	32.655	32.309	50,70%	50,17%	49.783	46.144	77,30%	71,65%	7
2	Huyện Kiên Hải	32.919	40.189	19.804	19.676	49,28%	48,96%	20.279	20.195	50,46%	50,25%	6
3	Huyện An Biên	124.309	59.334	23.737	23.407	40,01%	39,45%	39.344	32.235	66,31%	54,33%	19
4	Huyện Vĩnh Thuận	44.945	57.790	22.885	22.695	39,60%	39,27%	32.644	31.478	56,49%	54,47%	6
5	Huyện Giang Thành	38.350	54.710	18.348	16.412	33,54%	30,00%	28.098	27.567	51,36%	50,39%	13
6	Huyện Giồng Riềng	101.456	100.835	28.097	26.929	27,86%	26,71%	36.325	35.720	36,02%	35,42%	4
7	Huyện Gò Quao	73.089	87.994	28.673	22.582	32,59%	25,66%	59.941	53.365	68,12%	60,65%	17
8	Huyện An Minh	151.216	135.596	34.316	33.536	25,31%	24,73%	80.144	71.597	59,10%	52,80%	11
9	Thành phố Hà Tiên	152.856	119.566	38.597	29.079	32,28%	24,32%	81.633	70.933	68,27%	59,33%	20
10	Huyện Tân Hiệp	44.101	56.166	13.035	10.795	23,21%	19,22%	22.450	20.841	39,97%	37,11%	11
11	Thành phố Phú Quốc	697.929	756.014	130.500	129.853	17,26%	17,18%	175.118	136.297	23,16%	18,03%	10
12	Huyện Kiên Lương	48.511	62.221	10.828	9.059	17,40%	14,56%	30.740	29.564	49,40%	47,51%	12
13	Huyện U Minh Thượng	54.719	65.274	9.503	9.349	14,56%	14,32%	9.632	9.587	14,76%	14,69%	22

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021				Ước THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2021				Số dự án giải ngân dưới 30% đến thời điểm báo cáo
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9	10	11 = 9/4	12 = 10/4	13
14	Thành phố Rạch Giá	379.611	389.791	77.810	53.559	19,96%	13,74%	192.873	138.710	49,48%	35,59%	11
15	Huyện Hòn Đất	57.852	79.282	4.106	2.278	5,18%	2,87%	8.125	7.221	10,25%	9,11%	27
C	Vốn chuẩn bị đầu tư	888.723	566.023					94.781	94.781	16,75%	16,75%	2





PHỤ LỤC IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 85 /BC-SKHĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
16	TỔNG CỘNG			2.191.730	1.481.730	500.000	210.000	399.779	283.516	65.569	50.694	18,24%	1.791.951	
A	CẤP TỈNH			1.274.330	729.330	340.000	205.000	260.455	145.192	64.569	50.694	20,44%	1.013.875	
I	Sở Giao thông vận tải			860.000	600.000	260.000	-	121.794	118.729	3.065	-	14,16%	738.206	
1	Dự án ĐTXD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	150.000	150.000			3.024	3.024			2,02%	146.976	Chuyển tiếp
2	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	150.000	150.000			79.222	79.222			52,81%	70.778	Chuyển tiếp
3	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	100.000	100.000			36.483	36.483			36,48%	63.517	Chuyển tiếp
4	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	200.000	200.000			-	-			0,00%	200.000	Khởi công mới
5	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	309.000	60.000		60.000		3.065		3.065		5,11%	56.935	Chuyển tiếp
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	200.000		200.000		-		-		0,00%	200.000	Khởi công mới
II	Sở Nông nghiệp và PTNT			364.330	79.330	80.000	205.000	138.634	26.436	61.504	50.694	38,05%	225.696	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT	96.346	15.000	15.000			5.183	5.183			34,55%	9.817	Chuyển tiếp
2	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	199.330	64.330		135.000	71.947	21.253		50.694	36,09%	127.383	Chuyển tiếp
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	80.000		80.000		61.504		61.504		76,88%	18.496	Chuyển tiếp
4	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	313.499	70.000			70.000	-			-	0,00%	70.000	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
III	Sở Y tế			50.000	50.000	-	-	27	27	-	-	0,05%	49.973	
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	50.000	50.000			27	27			0,05%	49.973	Chuyển tiếp
B	CẤP HUYỆN			917.400	752.400	160.000	5.000	139.324	138.324	1.000	-	15,19%	778.076	
I	Thành phố Phú Quốc			629.400	464.400	160.000	5.000	88.907	87.907	1.000	-	14,13%	540.493	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Phú Quốc		464.400	464.400			87.907	87.907			18,93%	376.493	
2	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phú Quốc	1.499.739	160.000		160.000		1.000		1.000		0,63%	159.000	Chuyển tiếp
3	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	Phú Quốc	4.358.000	5.000			5.000	-			-	0,00%	5.000	Khởi công mới
II	Thành phố Rạch Giá			240.000	240.000	-	-	35.584	35.584	-	-	14,83%	204.416	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		240.000	240.000			35.584	35.584			14,83%	204.416	
III	Thành phố Hà Tiên			48.000	48.000	-	-	14.833	14.833	-	-	30,90%	33.167	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			14.833	14.833			30,90%	33.167	



PHỤ LỤC V

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(VỐN KÉO DÀI CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG) - THEO NGUỒN VỐN

(Kèm theo Báo cáo số 85 /BC-SKHĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn chuyển nguồn và kéo dài từ các năm trước sang năm 2020	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021		Vốn còn lại đến ngày 15/6/2021		Ghi chú
			Giá trị giải ngân	Tỷ lệ (%)	Số vốn	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	203.856	32.280	15,83%	171.576	84,17%	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	56.000	10.589	18,91%	45.411	81,09%	
2	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	40.766	14.485	35,53%	26.281	64,47%	
3	Nguồn vốn sử dụng vốn quỹ đất	30.641	1.727	5,64%	28.914	94,36%	
4	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trong đó:	76.449	5.479	7,17%	70.970	92,83%	
-	Vốn ngoài nước	43.118	503	1,17%	42.615	98,83%	
-	Vốn trong nước	33.331	4.976	14,93%	28.355	85,07%	

PHỤ LỤC VI
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
(VỐN KÉO DÀI CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG) - THEO SỞ BAN NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Báo cáo số 85/BC-SKHĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Theo ngành, địa phương	Kế hoạch vốn chuyển nguồn và kéo dài từ các năm trước sang năm 2020	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021		Vốn còn lại đến ngày 15/6/2021	Ghi chú
			Giải ngân	Tỷ lệ %		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	203.856	32.280	15,83%	171.802	
A	CÁC SỞ, BAN NGÀNH	140.778	24.396	17,33%	116.382	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.446	8.446	100,00%	-	
2	TT nước sạch và VSMT nông thôn	1.570	768	48,88%	803	
3	Sở Y tế	26.186	12.525	47,83%	13.661	
4	Văn phòng Tỉnh ủy	8.116	1.761	21,69%	6.355	
5	Sở Văn hóa và Thể thao	892	75	8,46%	816	
6	Trường Cao đẳng Kiên Giang	1.628	94	5,76%	1.534	
7	Sở Giáo dục và đào tạo quản lý	1.476	78	5,30%	1.398	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.814	66	1,37%	4.748	
9	Sở Nông nghiệp & PTNT	52.136	576	1,11%	51.559	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	10.648	7	0,07%	10.641	
11	Sở Công Thương	16	-	0,00%	16	
12	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	69	-	0,00%	69	
13	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	316	-	0,00%	316	
14	Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	373	-	0,00%	373	
15	Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)	3.338	-	0,00%	3.338	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	7.016	-	0,00%	7.016	
17	BQL Khu Kinh tế	13.738	-	0,00%	13.738	
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	63.078	7.658	12,14%	55.420	
1	Thành phố Hà Tiên	1.248	740	59,31%	508	
2	Huyện Kiên Lương	6.032	2.580	42,77%	3.452	
3	Huyện Tân Hiệp	1.098	293	26,69%	805	

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch vốn chuyển nguồn và kéo dài từ các năm trước sang năm 2020	THTH từ đầu năm đến ngày 15/6/2021		Vốn còn lại đến ngày 15/6/2021	Ghi chú
			Giải ngân	Tỷ lệ %		
1	2	3	4	5	6	7
4	Huyện Vĩnh Thuận	3.697	958	25,91%	2.739	
5	Huyện Gò Quao	4.530	1.064	23,48%	3.466	
6	Huyện An Minh	4.429	734	16,57%	3.695	
7	Huyện Hòn Đất	1.763	187	10,61%	1.576	
8	Huyện An Biên	8.461	669	7,90%	7.793	
9	Thành phố Rạch Giá	2.983	80	2,68%	2.903	
10	Thành phố Phú Quốc	11.787	257	2,18%	11.530	
11	Huyện U Minh Thượng	5.207	97	1,86%	5.110	
12	Huyện Châu Thành	578	-	0,00%	578	
13	Huyện Kiên Hải	3.269	-	0,00%	3.269	
14	Huyện Giang Thành	3.434	-	0,00%	3.434	
15	Huyện Giồng Riềng	4.563	-	0,00%	4.563	



PHỤ LỤC VII
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRẢ NỢ - CHUYỂN TIẾP - BỔ TRÍ MỚI
 (Kèm theo Báo cáo số 35 /BC-SKHĐT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	SỐ VỐN (Triệu đồng)	Số dự án	GIẢI NGÂN ĐẾN NGÀY 15/6/2021		Trong đó:							
						Khởi công mới				Trả nợ + Chuyển tiếp			
				Giá trị	Tỷ lệ %	Số dự án	Kế hoạch vốn	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %	Số dự án	Kế hoạch vốn	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6 = 5/3	7	8	9	10 = 9/8	11	12	13	14 = 13/12
	TỔNG CỘNG	4.663.913	429	793.747	17,02%	317	2.497.983	372.977	14,93%	112	2.165.930	401.662	18,54%
1	Ngân sách tỉnh	3.962.390	413	631.550	15,94%	317	2.497.983	372.977	14,93%	96	1.464.407	258.573	17,66%
2	Ngân sách Trung ương	491.234	13	111.503	22,70%					13	491.234	111.503	22,70%
3	ODA	210.289	3	50.694	24,11%					3	210.289	31.586	15,02%

PHỤ LỤC VIII
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỚN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số 85/BC-SKHDT ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Khó khăn, vướng mắc
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
54	TỔNG CỘNG			3.238.333	2.381.810	641.234	215.289	486.586	357.759	78.133	50.694	15,03%	2.751.747	
A	CẤP TỈNH			2.052.923	1.361.400	481.234	210.289	318.901	191.074	77.133	50.694	15,53%	1.734.022	
I	Sở Giao thông vận tải			1.036.000	776.000	260.000	-	139.614	136.549	3.065	-	13,48%	896.386	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT	Sở GTVT	125.000	60.000	60.000			7.022	7.022			11,70%	52.978	Tiến độ lập GPMB chậm so kế hoạch. Ban QLDA đã tiến hành bàn giao tìm mốc biên GPMB cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất từ ngày 27/4/2020. Nhưng đến nay chỉ thực hiện xong đo đạc, kiểm điểm về đất đai, đang tổng hợp số liệu để trình phê duyệt khảo sát giá đất (UBND huyện trình Sở TNMT ngày 23/3/2021)
2	Dự án nâng cấp đường Thửa 2 đến Công Sư, huyện An Biên và U Minh Thượng	Sở GTVT	199.999	40.000	40.000			7.881	7.881			19,70%	32.119	+ Công tác GPMB tại huyện U Minh Thượng phần đường mở rộng còn lại 435m chưa thi công được, do người dân không chấp thuận văn động giao mặt bằng thi công, đề nghị bồi thường đất, hoa màu, vật kiến trúc; phần đường làm mới, còn lại 50/232 hộ (xã Thanh Yên 16 hộ; xã Thanh Yên A 19 hộ; xã Hòa Chánh 15 hộ) chiều dài khoảng 2.952m dân không đồng ý nhận tiền bồi thường, đề nghị nâng giá bồi thường. + Đang trình điều chỉnh chủ trương đầu tư tăng tổng mức đầu tư dự án. Do điều chỉnh đơn đầu tuyến đầu nối với quốc lộ 63 để phù hợp với quy hoạch thị trấn Thửa Ba theo đề nghị của UBND huyện An Biên và thay đổi chế độ chính sách giá đất tại thời điểm lập phương án bồi thường, số thời điểm lập dự án nên làm tăng tổng mức đầu tư dự án từ 199.999 triệu đồng lên 314.722 triệu đồng.
3	ĐTXD đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh	Sở GTVT	63.307	26.000	26.000			2.029	2.029			7,80%	23.971	Cầu Rạch Thứ 6 chưa thi công được, vì vướng đường ống cấp nước do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang chưa thực hiện di dời, Phương án GPMB; Văn phòng đăng ký sử dụng đất UBND huyện An Biên tổ chức đo đạc xong và đang trình khảo sát giá đất.
4	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Sở GTVT	79.543	50.000	50.000			888	888			1,78%	49.112	Công tác đo đạc GPMB thực hiện xong đang chờ điều chỉnh kế hoạch sử dụng để tổ chức thông báo thu hồi đất (UBND tỉnh có quyết định điều chỉnh diện tích sử dụng đất số 783/QĐ-UBND ngày 19/3/2021). Hiện nay nhà thầu thi công đang tổ chức thi công các trụ dưới nước không vướng mặt bằng.
5	Dự án ĐTXD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	150.000	150.000			3.024	3.024			2,02%	146.976	Theo Thông báo số 33/TB-VP ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh yêu cầu UBND thành phố sớm bàn giao đường Lý Thường Kiệt và di dời các công trình lấn trái, bãi giữ xe nằm trên mặt bằng thi công cảng của Công ty Tập đoàn Tư vấn ảnh hưởng các hạng mục thi công trên bờ và tập kết thiết bị, vật tư để thi công mặt bằng cảng, chưa có bãi đỗ đất thải cho các hạng mục nạo vét khu nước, vũng quay tàu, và nạo vét chân khay trước đê kè; di dời bãi thải của Cục Hàng hải để thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.
6	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	150.000	150.000			79.222	79.222			52,81%	70.778	Đoạn tuyến chính còn 04 hộ dân xây dựng lấn chiếm chủ yếu nhà tạm, mái che, hàng rào nằm trong phạm vi GPMB từ tìm ra 10m, Ban QLDA đã làm việc nhiều lần nhưng chưa di dời. Đoàn tuyến nhánh nối trục Nam Bắc, Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố Phú Quốc ban hành thông báo thu hồi đất ngày 5/5/2021 (chậm so kế hoạch 2,5 tháng), chưa tiến hành khảo sát giá đất.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Khó khăn, vướng mắc
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	100.000	100.000			36.483	36.483			36,48%	63.517	Công tác GPMB còn lại 2,8 km thuộc phạm vi đường dẫn 04 cầu (cầu Số 2, cầu Vàm Răng, cầu Vạn Thanh và cầu Hòn Me) chưa thực hiện được, do quyết định ban hành giá đất ngày 13/11/2020 còn thiếu một số vị trí và loại đất nên chưa đủ cơ sở phê duyệt phương án. Sở TNMT trình phương án khảo sát giá bổ sung ngày 24/02/2021; ngày 11/3/2021, Hội đồng thẩm định giá đất trên địa bàn tỉnh. Do đơn vị tư vấn xác định giá đất có tài sản so sánh chưa tương đồng, chưa phù hợp. Đề nghị Tư vấn khảo sát lại giá thị trường, thông tin chuyển nhượng đất nông nghiệp tại khu lân cận tương đồng với tài sản định giá cho phù hợp để báo cáo hội đồng. Tư vấn đo đạc khảo sát bổ sung trình Sở TNMT ngày 06/4/2021.
8	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	200.000	200.000			-	-			0,00%	200.000	Công tác khảo sát giá đất địa bàn thành phố Rạch Giá, Sở TNMT đã trình hội đồng thẩm định. Tuy nhiên, đang chờ khảo sát giá đất địa bàn huyện Châu Thành để thông qua thẩm định toàn dự án để trình UBND tỉnh phê duyệt.
9	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	309.000	60.000		60.000		3.065		3.065		5,11%	56.935	+ Công tác GPMB: Đoàn điều chỉnh tuyến qua khu di tích Bờ Dừa hội đồng bồi thường huyện U Minh Thượng đang chờ Chỉ cục QLDD - Sở Tài nguyên và Môi trường khảo sát giá đất (Ban QLDA gửi Văn bản ngày 22/02/2021); một số đoạn đã chỉ trả GPMB địa bàn huyện U Minh Thượng phải chờ người dân thu hoạch tøm mới bàn giao mặt bằng. Còn lại 15 hộ (xã Thanh Yên A 06 hộ; Thanh Yên 02 hộ; xã Hòa Chánh 06 hộ và 01 tổ chức chùa Xẻo Răng), đề nghị nâng giá bồi thường về đất đai, hoa màu và các chính sách hỗ trợ. + Hồ sơ điều chỉnh chủ trương quy mô đầu tư dự án đoạn đầu tuyến 3,7km (Km0+000 - Km3+773 từ cấp V1 đồng bằng lên cấp IV đồng bằng) và điều chỉnh hướng tuyến đoạn đi qua Khu lưu niệm Sở Chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang (khu di tích lịch sử Bờ Dừa) làm tăng tổng mức đầu tư dự án từ 309.000 triệu đồng lên 429.322 triệu đồng, Sở GTVT đã trình hội đồng thẩm định ngày 12/3/2021, đang chờ tổ chức lấy ý kiến để báo cáo UBND tỉnh.
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	200.000		200.000		-		-		0,00%	200.000	Khởi công mới
11	Sở Nông nghiệp và PTNT			493.230	110.230	178.000	205.000	151.230	26.539	73.997	50.694	30,66%	342.000	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT	96.346	15.000	15.000			5.183	5.183			34,55%	9.817	Đang nghiệm thu sơ bộ từng hạng mục công trình (nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước)
2	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	Sở NN và PTNT	59.982	30.900	30.900			103	103			0,33%	30.797	Đang triển khai thi công nhà máy, đường ống cấp nước và các hạng mục khác như: đập bờ bao, phát quang mặt bằng... Chậm do vướng mặt bằng thi công, đến thời này đã giải quyết xong và sẽ đẩy nhanh tiến độ.
3	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	199.330	64.330		135.000	71.947	21.253		50.694	36,09%	127.383	Đang triển khai thi công 09 công, dự kiến trong quý III/2021 sẽ hoàn thành. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công và đang triển khai các gói thầu sinh kế.
4	Kê chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên	Sở NN và PTNT	75.000	12.500		12.500		-		-		0,00%	12.500	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
5	Kê chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	Sở NN và PTNT	85.000	22.500		22.500		10.356		10.356		46,03%	12.144	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
6	Kê chống sạt lở khu vực Hòn Quáo, huyện Hòn Đất	Sở NN và PTNT	100.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Đang triển khai thi công và trình điều chỉnh dự án tăng chiều dài kè
7	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	80.000		80.000		61.504		61.504		76,88%	18.496	Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trong tháng 3/2021. Đang triển khai đóng cọc thử (công âu thuyền T3 Hòa Điền và công âu thuyền Vàm Bả Lịch)
8	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	Sở NN và PTNT	120.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Đang triển khai thi công phần thân đập bê tông (đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng)

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Khó khăn, vướng mắc
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	Sở NN và PTNT	154.189	23.000		23.000		2.137		2.137		9,29%	20.863	Đang triển khai thi công các hạng mục trên bờ như: nhà quản lý, đường, hàng rào... (đã có khối lượng nhưng chưa giải ngân được vì đang trình gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng)
10	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	313.499	70.000			70.000	-			-	0,00%	70.000	Ban quản lý dự án VnSAT Trung ương góp ý cho danh mục đầu tư 11/11 tiêu đề dự án đầu tư công, và WB, UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư công cho 08 tiêu đề dự án. Hiện PPMU đang phối hợp với các đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế 03 tiêu đề dự án còn lại đang trình tỉnh phê duyệt danh mục
III	Sở Y tế			210.000	210.000	-	-	3.476	3.476	-	-	1,66%	206.524	
1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	Sở Y tế	160.000	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Dự kiến tăng tổng mức đầu tư nhưng chủ đầu tư chưa trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, và cũng chưa hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục (theo số Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang). Do đó chưa giải ngân kế hoạch năm 2021 bổ trí cho dự án là 30.000 triệu đồng nên đề nghị cắt giảm
2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	Sở Y tế	190.000	30.000	30.000			122	122			0,41%	29.878	Đề xuất tăng tổng mức đầu tư dự án từ 190 tỷ đồng lên 357 tỷ đồng (tăng 167 tỷ đồng) do tăng chi phí giải phóng mặt bằng và tính toán lại suất đầu tư xây dựng. Hiện nay, chủ đầu tư đang trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư.
3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	50.000	50.000			27	27			0,05%	49.973	Công trình đang xử lý phần móng nên chưa có khối lượng hoàn thành. Hiện nay mới tạm ứng 50% giá trị HD xây lắp
4	Đầu tư phòng mô kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Sở Y tế	245.168	100.000	100.000			3.327	3.327			3,33%	96.673	Thiết bị đã về đến công trình, đang thực hiện việc lắp đặt
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường			115.459	110.170	-	5.289	1.922	1.922	-	-	1,66%	113.537	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở TN & MT	755.022	100.000	100.000			1.922	1.922			1,92%	98.078	Tiến độ triển khai thực hiện dự án chậm, dự án còn nhiều vướng mắc nên phải điều chỉnh, đang trình kế hoạch LCNT thiết kế - lập dự toán (2 huyện Giồng Riềng, Tân Hiệp, chưa có khối lượng)
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở TN & MT	53.829	15.459	10.170		5.289	-	-		-	0,00%	15.459	Đã hoàn thành xây dựng lưới địa chính và đo đạc bản đồ. Tuy nhiên công đoạn kê khai đăng ký, xét duyệt cấp giấy chứng nhận còn chậm từ phụ thuộc vào nhu cầu của người sử dụng đất ở địa phương
V	Sở Văn hóa và Thể thao			53.234	30.000	23.234	-	3.237	3.166	71	-	6,08%	49.997	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Sở VH & TT	129.615	43.234	20.000	23.234		3.233	3.162	71		7,48%	40.001	Đã tạm ứng 50% HD xây lắp, đang thi công phần móng, do công trình có kiến trúc phức tạp nên việc thi công gặp khó khăn ảnh hưởng chung đến tiến độ
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở VH & TT	49.616	10.000	10.000			4	4			0,04%	9.996	Đã phê duyệt thiết kế BVTC - dự toán, đang trình điều chỉnh kế hoạch LCNT, dự kiến đầu thầu xây lắp trong tháng 6/2021
VI	Sở Du lịch			50.000	50.000	-	-	4.985	4.985	-	-	9,97%	45.015	
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phần - mộ Chi Sứ)	Sở Du lịch	59.453	20.000	20.000			767	767			3,84%	19.233	Đã tạm ứng 50% HD xây lắp, đang triển khai thi công
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kênh 14)	Sở Du lịch	38.000	20.000	20.000			4.141	4.141			20,71%	15.859	Đã tạm ứng 50% HD xây lắp, đang triển khai thi công
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cổng Hòn Quáo)	Sở Du lịch	30.000	10.000	10.000			77	77			0,77%	9.923	Đang đầu thầu tư vấn lập thiết kế BVTC - dự toán
VII	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			30.000	10.000	20.000	-	4.518	4.518	-	-	15,06%	25.482	
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	Sở LĐ-TB&XH	45.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện. Đang lập hồ sơ để thanh toán khối lượng hoàn thành do mới trình điều chỉnh thời gian thực hiện dự án để đủ điều kiện giải ngân, đang trình điều chỉnh kế hoạch LCNT đầu thầu thiết bị
2	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động - TB&XH	25.000	10.000	10.000			4.518	4.518			45,18%	5.482	Đã tạm ứng 50% HD xây lắp, đang triển khai thi công đạt 30% khối lượng HD, khối lượng hoàn thành ít nên nhà thầu chưa làm hồ sơ thanh toán giai đoạn

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 15/6/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Khó khăn, vướng mắc
					NS tính	NSTW	ODA		NS tính	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VIII	Văn phòng Tỉnh ủy			35.000	35.000	-	-	356	356	-	-	1,02%	34.644	
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	VPTU	151.293	30.000	30.000			107	107			0,36%	29.893	Nhà thầu đang lập hồ sơ thanh toán giai đoạn
2	Xây dựng mới kho Lũu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	VPTU	35.000	5.000	5.000			249	249			4,98%	4.751	Đang triển khai thiết kế, dự kiến quý IV đầu thầu xây lắp
IX	Các Sở ngành khác			30.000	30.000	-	-	9.563	9.563	-	-	31,88%	20.437	
1	Chỉ phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	73.377	10.000	10.000			9.563	9.563			95,63%	437	Đang triển khai thực hiện hợp đồng, giai đoạn thu thập thông tin
2	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	Bộ CH BDBP tỉnh	60.000	20.000	20.000			-	-			0,00%	20.000	Đang trình thẩm định hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán, dự kiến tháng 6/2021 đầu thầu xây lắp
B	CẤP HUYỆN			1.185.410	1.020.410	160.000	5.000	167.685	166.685	1.000	-	14,15%	1.017.725	
I	Thành phố Phú Quốc			693.410	528.410	160.000	5.000	94.616	93.616	1.000	-	13,65%	598.794	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Phủ Quốc		464.400	464.400			87.907	87.907			18,93%	376.493	
2	Trường THCS Dương Đông 3	Phủ Quốc	60.801	10.000	10.000			5.709	5.709			57,09%	4.291	Chuẩn bị nghiệm thu, đang lập hồ sơ thanh toán
3	Đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	Phủ Quốc	41.918	54.010	54.010			-	-			0,00%	54.010	Đang trình điều chỉnh dự án
4	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phủ Quốc	1.499.739	160.000		160.000		1.000		1.000		0,63%	159.000	Đang đầu thầu xây lắp giai đoạn 2, khối lượng giai đoạn 1 vướng GPMB
5	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	Phủ Quốc	4.358.000	5.000			5.000	-			-	0,00%	5.000	
II	Thành phố Rạch Giá			334.000	334.000	-	-	44.750	44.750	-	-	13,40%	289.250	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		240.000	240.000			35.584	35.584			14,83%	204.416	
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	Rạch Giá	53.469	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Phê duyệt phương án GPMB tăng TMĐT dự án
3	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	Rạch Giá	64.818	40.000	40.000			-	-			0,00%	40.000	Phê duyệt phương án GPMB tăng TMĐT dự án
4	Kè Kênh Nhánh và đường (cầu 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	Rạch Giá	30.000	15.000	15.000			5.188	5.188			34,59%	9.812	
5	Kè, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến công Sông Kiên) 16ha	Rạch Giá	22.000	9.000	9.000			3.978	3.978			44,20%	5.022	
III	Thành phố Hà Tiên			83.000	83.000	-	-	27.614	27.614	-	-	33,27%	55.386	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			14.833	14.833			30,90%	33.167	
2	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	Hà Tiên	40.000	10.000	10.000			10.000	10.000			100,00%	-	
3	Bãi rác Hà Tiên	Hà Tiên	30.000	15.000	15.000			782	782			5,21%	14.218	Dự kiến trình điều chỉnh dự án
4	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Hà Tiên	200.480	10.000	10.000			1.999	1.999			19,99%	8.001	
IV	Các huyện khác trong tỉnh			75.000	75.000	-	-	705	705	-	-	0,94%	74.295	
1	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	Gò Quao	32.000	15.000	15.000			289	289			1,93%	14.711	
2	Cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965	U Minh Thượng	50.000	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Đang chuyển hồ sơ cho Sở GTVT làm chủ đầu tư
3	Đường KT1, huyện An Minh	An Minh	200.000	50.000	50.000			416	416			0,83%	49.584	